

CÔNG TY CỔ PHẦN VROBOT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VROBOT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VROBOT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301310577

3. Ngày thành lập: 14/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Ấp Đồn, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0868961604

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
3.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
4.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
5.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
6.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
7.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
8.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
9.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
10.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
11.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
12.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
13.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
14.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
15.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
16.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
17.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
18.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
19.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
20.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
21.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818

22.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
23.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
24.	Sản xuất máy luyện kim	2823
25.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
26.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
27.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
28.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
29.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
30.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
31.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
32.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
33.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
34.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
35.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
39.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
40.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
41.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
42.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
43.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
48.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
49.	Bán buôn tổng hợp	4690
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
52.	Xuất bản phần mềm	5820
53.	Lập trình máy vi tính	6201
54.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
55.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

56.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
60.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
61.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
62.	Cho thuê xe có động cơ	7710
63.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
65.	Đào tạo sơ cấp	8531
66.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
67.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAN THỊ YẾN	Xóm 5, Xã Trung Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	16,000	0401950274 45	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	80.000	800.000.000	16,000		
2	LÊ SĨ THẮNG	Xóm Diễn Cầu, Xã Tân Đức, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	0190900070 18	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		

3	NGUYỄN THANH LIÊM	Tổ 25, ấp Đình, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	079082007310
			Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	
4	TRẦN VĂN THÀNH	Xóm 9, Xã Khánh Sơn, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	18,000	040090043210
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	18,000	
5	LÊ HỮU TIẾN	Xóm 1, Xã Lý Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	16,000	040090024712
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	80.000	800.000.000	16,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: TRẦN VĂN THÀNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 19/05/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040090043210

Ngày cấp: 28/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Xóm 9, Xã Khánh Sơn, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 9, Xã Khánh Sơn, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh